

Bản án số: 2299/2022/DS-ST

Ngày: 17-11-2022

V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Dư Tuyết Lạnh

Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Nhơn

2. Bà Nguyễn Thị Bích Thân

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Huy Khang – Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Huyền – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 11 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 510/2022/TLST- DS ngày 24 tháng 3 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 457/2022/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 9 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 1801/2022/QĐST-DS ngày 18 tháng 10 năm 2022; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị Thu H

Địa chỉ: Đường N, Phường B, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Tuấn A, sinh năm 1972; địa chỉ: đường C, phường P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn:

1/ Bà Đinh Thị Hồng N

2/ Ông Nguyễn Thành Đ

Cùng địa chỉ: chung cư M, đường X, Phường H, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 21/6/2021 đại diện ủy quyền của nguyên đơn bà Trần Thị Thu H có ông Nguyễn Tuấn A trình bày và yêu cầu: Vào ngày 14/9/2016 giữa bà Trần Thị Thu H và bà Đinh Thị Hồng N cùng ông Nguyễn Thành Đ có ký một giấy vay tiền để vay số tiền 150.200.000 đồng. Trong thời gian vay chưa trả tiền gốc chỉ trả lãi được số tiền 52.400.000. Từ tháng 3/2019 thì bà N và ông Đ không tiếp tục trả lãi, bà H

đã liên lạc rất nhiều lần nhưng bà N và ông Đ cố tình trốn tránh không có thiện chí trả tiền cho bà. Nay bà yêu cầu bà N và ông Đ trả cho bà số tiền là 286.020.000 đồng, trong đó: Nợ gốc là 150.200.000 đồng, tiền lãi tính từ tháng 3/2019 đến tháng 4/2021, với lãi suất 2%/tháng là 135.820.000 đồng. Không yêu cầu tiếp tục trả lãi từ tháng 5/2021 đến nay. Yêu cầu trả một lần ngay khi bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật.

Các bị đơn vắng mặt từ khi Tòa án thụ lý vụ án, không có văn bản gửi cho Tòa án nên không thể ghi nhận ý kiến.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt trong đơn vắng mặt trong đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc trả số tiền gốc là 150.200.000 đồng, thay đổi yêu cầu lãi suất chỉ yêu cầu tính lãi 20%/năm, thời gian tính lãi từ tháng 3/2019- tháng 3/2021 (tính tròn 24 tháng).

Các bị đơn vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh phát biểu:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật trong quá trình chuẩn bị xét xử cũng như tại phiên tòa. Nguyên đơn, đã thực hiện đúng các quy định của tại các điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các bị đơn chưa thực hiện đầy đủ các quy định của tại các điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và các quy định của pháp luật; Căn cứ quy định tại Điều 119, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 469 Bộ luật dân sự, Điều 244 Bộ luật TTDS: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Thu H, buộc bà Đinh Thị Hồng N và ông Nguyễn Thành Đ trả cho bà Trần Thị Thu H số tiền nợ gốc là 150.200.000 đồng, tiền lãi tính từ tháng 3/2019 đến tháng 3/2021 với lãi suất 20%/năm; trả 01 lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Các bị đơn phải đóng án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Về tố tụng:

- *Quan hệ tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án:* Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu các bị đơn trả tiền vay. Đây là tranh chấp về hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Theo kết quả tại biên bản xác minh ngày 22/02/2022 của Công an Phường H, quận B trả lời “bà Đinh Thị Hồng N, sinh năm 1982 và ông Nguyễn Thành Đ, sinh năm 1983 có cư trú sinh sống tại địa chỉ c, đường X, Phường H, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh”. Xét các bị đơn có nơi cư trú tại quận B, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Xét xử trong trường hợp vắng mặt các bị đơn: Các bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa theo quy định nhưng các bị đơn vẫn vắng mặt không lý do, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên

căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các bị đơn theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung: Trong suốt quá trình từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay, mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án các bị đơn không có mặt, không trình bày ý kiến chứng tỏ các bị đơn từ bỏ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn xuất trình và những chứng cứ do Tòa án thu thập để giải quyết vụ án.

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Căn cứ vào chứng cứ do bà Trần Thị Thu H cung cấp là giấy vay tiền ngày 14/9/2016 có nội dung “*Tôi tên Đinh Thị Hồng N, hiện tôi có vay của chị Trần Thị Thu H 2 khoản tiền: 70.200.000 (khoản đầu tư may lô hàng áo thun), 80.000.000 đồng (khoản cổ phần sản xuất hàng An Đông), tổng cộng là 150.200.000 đồng, lãi suất 2%/tháng*”, bên dưới có đầy đủ chữ ký và ghi tên Đinh Thị Hồng N và Nguyễn Thành Đ. Trong quá trình vay nguyên đơn cho rằng các bị đơn bà N và ông Đ mới chỉ trả lãi được số tiền 52.400.000 đồng chưa trả tiền gốc. Từ tháng 3/2019 đến nay, bà N và ông Đ không tiếp tục trả lãi, bà H đã liên lạc nhiều lần nhưng bà N và ông Đ cố tình trốn tránh, liên tục thay đổi địa chỉ, không có thiện chí trả tiền cho bà H.

Theo chứng cứ nguyên đơn cung cấp thì thấy rằng bà N và ông Đ có vay của H 2 khoản tiền: khoản 1: 70.200.000 (khoản đầu tư may lô hàng áo thun), khoản 2: 80.000.000 đồng (khoản cổ phần sản xuất hàng An Đông), tổng cộng là 150.200.000 đồng. Từ khi Tòa án thụ lý đến khi xét xử đã tổng đạt cho bà N cũng như ông Đ (ông Đ có lần nhận trực tiếp), nhưng cả ông Đ và bà N vẫn không đến Tòa án trình bày ý kiến, không cung cấp chứng cứ gì khác nên xem như từ bỏ quyền lợi của mình. Hội đồng xét xử căn cứ các chứng cứ nguyên đơn cung cấp để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Về yêu cầu lãi suất trong suốt quá trình giải quyết vụ án cũng như tại biên nhận nợ ngày 14/9/2016 các bên có thỏa thuận mức lãi suất là bà N và ông Đ trả lãi hàng tháng từ ngày 05 đến ngày 10 hàng tháng, tiền gốc sẽ trả dần cho đến khi hết. Tuy nhiên, bà N và ông Đ mới chỉ trả lãi được số tiền 52.400.000 đồng tiền lãi và chưa trả tiền gốc. Từ tháng 3/2019 đến nay, bà N và ông Đ không tiếp tục trả lãi cho bà H nữa. Như vậy theo thỏa thuận của các đương sự thì cho thấy rằng hợp đồng vay mượn tiền của các đương sự có thỏa thuận lãi là 20%/ tháng nhưng tại đơn xin xét xử vắng mặt đại diện ủy quyền của nguyên đơn có yêu cầu thay đổi về việc trả lãi là 20%/năm tính tròn 24 tháng (tháng 3/2019 – tháng 03/2021) không yêu cầu tiếp tục tính lãi. Điều này là có lợi cho các bị đơn và phù hợp với quy định của pháp luật tại các Điều 463, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự 2015. Nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc các bị đơn phải trả 24 tháng tiền lãi là 60.200.000 đồng ($150.200.000 \times 1,67\%/tháng \times 24$ tháng) là phù hợp với quy định. Nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với yêu cầu trả một lần ngay khi bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật của nguyên đơn Hội đồng xét xử thấy rằng trước đây khi giao dịch hợp đồng vay tiền các bị đơn đã cung cấp tại địa chỉ Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh; sau đó lại thay đổi địa chỉ về thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, sau đó lại đi về quận Bình Thạnh, Thành

phố Hồ Chí Minh. Nhiều lần thay đổi địa chỉ nhằm trốn tránh việc trả nợ, gây khó khăn cho nguyên đơn nên xét yêu cầu trả một lần ngay khi bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật của nguyên đơn là hoàn toàn có căn cứ chấp nhận.

Từ những nhận định trên Hội đồng xét xử thấy rằng cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc các bị đơn bà Đinh Thị Hồng N và Nguyễn Thành Đ trả cho bà Trần Thị Thu H số tiền 210.400.000 đồng, trong đó gốc là 150.200.000 đồng; tiền lãi là 60.200.000 đồng.

[3] Về án phí: Căn cứ quy định của Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên các bị đơn chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật số tiền là 10.520.000 đồng (Mười triệu năm trăm hai mươi ngàn đồng).

Nguyên đơn không phải chịu án phí hoàn lại án phí cho nguyên đơn.

Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147, Điều 179, Điều 180, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 235, Điều 238, Điều 266, Điều 273, Điều 280 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

Căn cứ các Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự 2015.

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Buộc bà Đinh Thị Hồng N và ông Nguyễn Thành Đ trả cho bà Trần Thị Thu H số 210.400.000 đồng, trong đó gốc là 150.200.000 đồng; tiền lãi là 60.200.000 đồng. Trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Đinh Thị Hồng N và ông Nguyễn Thành Đ phải chịu tiền án phí là 10.520.000 đồng (Mười triệu năm trăm hai mươi ngàn đồng).

Nguyên đơn bà Trần Thị Thu H không phải chịu án phí hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã đóng là 7.151.000 đồng (Bảy triệu một trăm năm mươi một ngàn đồng) theo biên

lai thu tiền số 0000671 ngày 10/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND quận Bình Thạnh;
- Chi cục THADS Q. Bình Thạnh;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dư Tuyết Lạnh